

Bản án số: 82/2019/HNGĐ-ST

Ngày 21-10-2019

V/v “*Yêu cầu thay đổi người trực tiếp
nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Long.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thúc.

Ông Ngô Văn Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Bà Dương Thy Trúc Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh B mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số: 383/2019/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2019 về việc “*Yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 59/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trịnh Quốc T, sinh năm 1988. (Có mặt)

ĐKTT: Ấp 5, xã L, huyện G, tỉnh B.

Chỗ ở hiện nay: Ấp 4, xã Bình Tâm, thành phố Tân An, tỉnh L.

Bị đơn: Chị Phan Thị L, sinh năm 1990. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện B, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/7/2019, trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh Trịnh Quốc T trình bày:*

Anh và chị L trước đây có mối quan hệ là vợ chồng. Tuy nhiên hai bên đã thuận tình ly hôn và được Tòa án công nhận bằng Quyết định giải quyết việc dân sự số 29/2014/QĐ-VDS ngày 15/5/2014 của Tòa án nhân dân huyện G. Về con chung

nội dung quyết định thể hiện: Chị Phan Thị L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là cháu Trịnh Hữu N, sinh ngày 26/3/2012 cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi. Ghi nhận chị L không có yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, trong thời gian chị L nuôi dưỡng cháu N, anh nhận thấy chị L không chăm lo tốt cho cháu N cả về sức khỏe và việc học tập, dẫn đến cơ thể cháu N bị suy nhược, còn kết quả học tập thì không đủ điều kiện để được lên lớp. Đồng thời, nay chị L đã lấy chồng nên thường xuyên để cháu N ở nhà với bà ngoại để về bên chồng ở và đi làm xa nên từ tháng 6 năm 2019 anh đã đến nhà chị L nhận con về nhà anh để chăm sóc, nuôi dưỡng và lo việc học tập cho con, nay cuộc sống và việc học tập của con đã ổn định. Anh khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung cháu Trịnh Hữu N, sinh ngày 26/3/2012 từ chị Phan Thị L sang cho anh, anh tự nguyện không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

** Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn chị Phan Thị L trình bày:*

Tại Quyết định giải quyết việc dân sự số 29/2014/QĐ-VDS ngày 15/5/2014 của Tòa án nhân dân huyện G, chị và anh T đã thuận tình ly hôn và thống nhất giao con chung là cháu Trịnh Hữu N, sinh ngày 26/3/2012 cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và chị tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Trong thời gian nuôi dưỡng cháu N chị vẫn đảm bảo chăm lo cho con tốt về vật chất lẫn tinh thần, con do chị nuôi vẫn khỏe mạnh bình thường chứ cơ thể không bị suy nhược như anh T trình bày. Tại biên bản lấy ý kiến cháu N có mặt chị thì cháu N có nguyện vọng muốn sống với chị. Việc chị lấy chồng không ảnh hưởng gì đến việc chị chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, chồng của chị thương yêu và xem cháu N như con ruột. Do đó chị không đồng ý giao cháu Trịnh Hữu N, sinh ngày 26/3/2012 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án đủ điều kiện đưa ra xét xử theo quy định tại Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo nội dung của Quyết định giải quyết việc dân sự số 29/2014/QĐ-VDS ngày 15/5/2014 của Tòa án nhân dân huyện G, anh T và chị L đã thỏa thuận: chị L là người được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu

Trịnh Hữu N, sinh ngày 26/3/2012. Tuy nhiên, trong thời gian chị L nuôi dưỡng cháu N đã không đảm bảo cho sự phát triển của cháu cụ thể: Theo kết quả kết quả xác minh của Tòa án tại Trường tiểu học A – nơi cháu N học tập năm học 2018 - 2019 có cơ sở xác định: Trong thời gian chị L nuôi dưỡng cháu N thì sức khỏe cháu N không tốt, hay bị bệnh nên thường xuyên nghỉ học (có khi nghỉ học cả tuần), tổng số ngày nghỉ học trong năm là 22 ngày (đều nghỉ không phép), chưa hoàn thành chương trình lớp 1, chưa được lên lớp, trong năm học nhà trường tổ chức họp phụ huynh ba lần nhưng cả ba lần phụ huynh của cháu N đều vắng mặt. Đồng thời, kết quả xác minh của Tòa án với đại diện chính quyền địa phương xã A - nơi chị L cư trú thể hiện: Chị L có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, là đối tượng thuộc diện hộ gia đình nghèo liên tục từ năm 2015 đến nay (năm 2019). Trong khi đó, theo kết quả xác minh của Tòa án với đại diện chính quyền địa phương xã L - nơi anh T cư trú thể hiện: Anh T có hoàn cảnh kinh tế gia đình tốt, đủ điều kiện để nuôi dưỡng con phát triển tốt nên xét yêu cầu khởi kiện của anh T là có căn cứ. Do đó áp dụng các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân gia đình đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trịnh Quốc T về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn từ chị Phan Thị L sang anh Trịnh Quốc T. Giao cháu Trịnh Hữu N, sinh ngày 26/3/2012 cho anh Trịnh Quốc T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị Nguyễn Thị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Từ các lời trình bày trên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa anh Trịnh Quốc T với chị Phan Thị L là “Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn” thuộc tranh chấp quy định tại khoản 3 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Phan Thị L có hộ khẩu thường trú tại ấp A, xã A, huyện B, tỉnh B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh B theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Trước đây anh Trịnh Quốc T và chị Phan Thị L có mối quan hệ là vợ chồng. Do cuộc sống giữa hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn nên anh T và chị L có đơn yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn, hai bên thuận tình ly hôn và thống nhất giao con chung cháu Trịnh Hữu N, sinh ngày 26/3/2012 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Tuy nhiên, nay anh T cho rằng: Trong thời gian chị

L nuôi dưỡng cháu N, anh nhận thấy chị L không chăm lo tốt cho cháu N cả về sức khỏe và việc học tập, dẫn đến cơ thể cháu N bị suy nhược, còn kết quả học tập thì không đủ điều kiện để được lên lớp. Hơn nữa, nay chị L đã lấy chồng nên thường xuyên để cháu N ở nhà với bà ngoại để về bên chồng ở và đi làm xa. Về khả năng kinh tế, anh T cho rằng anh có công việc là làm vườn, ngoài ra còn phụ gia đình bán tiệm tạp hóa, đi phụ lơ xe nên kinh tế ổn định đủ điều kiện để nuôi con chung, ngoài ra anh còn nhận được sự giúp đỡ, hỗ trợ của cha mẹ và anh chị trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu N nên anh khởi kiện yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con cháu N từ chị L sang anh T, do thấy hoàn cảnh gia đình kinh tế của chị L khó khăn, anh nhận thấy mình có đủ điều kiện kinh tế để chăm lo tốt cho con nên tự nguyện không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

[2.1] Xét về điều kiện thực tế của anh T và chị L thấy rằng cả hai đều có nghề nghiệp tự do, anh T thì làm vườn, cùng gia đình buôn bán tiệm tạp hóa, ngoài ra anh còn đi phụ lơ xe; chị L ngoài đi bắt ốc, lột vỏ tôm thì cũng có thời gian chị phụ giúp việc cho quán phở gần nhà, chị L cho rằng chủ quán phở là người tốt luôn tạo điều kiện cho chị chăm lo cho con; tuy nhiên, hiện nay chị L đã lấy chồng, thường xuyên cùng chồng về nhà chồng ở và đi làm xa, không dành nhiều thời gian chăm sóc, nuôi dưỡng con, để cháu N cho mẹ ruột chị nuôi dưỡng và lo việc học cho cháu, điều này đã ảnh hưởng đến cuộc sống sinh hoạt, tinh thần và việc học tập của cháu N, cụ thể theo kết quả xác minh của Tòa án tại trường tiểu học A – nơi cháu N học tập năm học 2018 - 2019 có cơ sở xác định: Trong thời gian chị L nuôi dưỡng cháu N thì sức khỏe cháu N không tốt, hay bị bệnh nên thường xuyên nghỉ học (có khi nghỉ học cả tuần), tổng số ngày nghỉ học trong năm là 22 ngày (đều nghỉ không phép), chưa hoàn thành chương trình lớp 1, chưa được lên lớp, trong năm học nhà trường tổ chức họp phụ huynh ba lần nhưng cả ba lần phụ huynh của cháu N đều vắng mặt. Điều đó cho thấy, mặc dù được nơi phụ giúp việc tạo điều kiện tốt để chị L chăm lo cho con nhưng chị đã không làm tốt trách nhiệm làm mẹ của mình, đã ảnh hưởng đến sự phát triển toàn diện của cháu N nên chị L đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của cha mẹ quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Hôn nhân và gia đình: “... chăm lo việc học tập, giáo dục để con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội”. Đồng thời kết quả xác minh của Tòa án với đại diện chính quyền địa phương xã A, huyện B - nơi chị L cư trú thể hiện: Chị L có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, là đối tượng thuộc diện hộ gia đình nghèo liên tục từ năm 2015 đến nay (năm 2019). Trong khi đó, theo kết quả xác minh của Tòa án với đại diện chính quyền địa phương xã L, huyện G - nơi anh T cư trú thể hiện: anh T và gia đình có

hoàn cảnh kinh tế gia đình tốt, đủ điều kiện để chăm sóc tốt cho con phát triển về mọi mặt.

[2.2] Tại biên bản lấy ý kiến cháu N của Tòa án ngày 28/8/2019 thì cháu N có nguyện vọng muốn sống với cha, tuy nhiên tại biên bản lấy ý kiến cháu N ngày 12/9/2019 của Tòa án thì cháu N có nguyện vọng muốn sống với mẹ. Xét thấy, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phải xem xét nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên, trong trường hợp này nguyện vọng của cháu N không có sự thống nhất mà có sự thay đổi. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu N, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung đối với cháu N của anh T. Giao cháu N cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc và giáo dục.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T cho rằng hoàn cảnh kinh tế của mình tốt, đủ điều kiện để nuôi con, tự nguyện không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị Phan Thị L phải nộp, tuy nhiên do chị L thuộc đối tượng hộ nghèo nên được xem xét miễn nộp án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung là Trịnh Hữu N, sinh ngày 26/3/2012 của anh Trịnh Quốc T đối với chị Phan Thị L.

Giao cháu Trịnh Hữu N, sinh ngày 26/3/2012 cho anh Trịnh Quốc T nuôi dưỡng cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Ghi nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Phan Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

2. Về án phí: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị Phan Thị L phải nộp, tuy nhiên do chị L thuộc đối tượng hộ nghèo nên được xem xét miễn nộp án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hoàn trả cho anh Trịnh Quốc T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005000 ngày 18/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh B.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã A;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Long

THẨM
PHÁN
– CH
TỌA
PHIÊN
TỌA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nguyễn Văn Thúc

Ngô Văn Đức

**Phạm
Văn
Long**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã A;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Long

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tiến

Hà Thị Dung

Lê Văn Lâm

Nơi nhận:
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã An Thủy;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Lâm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tiến

Hà Thị Dung

Lê Văn Lâm

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã Tân Hưng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Lâm

